

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế tại Văn bản số 37/TTr-HĐBT ngày 30/10/2020 và số 39/TTr-HĐBT ngày 17/11/2020; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1055/TTr-STNMT ngày 12/11/2020 và số 2909/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong (đợt 3) như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **11.489.847.491 đồng** (Mười một tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng), trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 11.137.512.223 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

+ Hỗ trợ tiền thuê nhà ở : 36.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

+ Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có) : 69.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm)

- + Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 224.850.244 đồng
- + Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế : 22.485.024 đồng
- Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước

2. Về tái định cư: Bố trí 10 lô tái định cư cho 09 hộ gia đình và 01 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ, với tổng diện tích 1.659,5m²; tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 6.413.980.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm)

Điều 2. Ban Quản lý Khu kinh tế, cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Phi Long;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục I**GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN KHU DÂN CƯ ĐỌC TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ ĐẾN KHU TÂM LINH CHÙA LINH PHONG (ĐỢT 3)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
1	Trần Đức Vĩnh Nguyễn Thị Thu	Phường Phi, Cát Tiến	325,50	1.772.678.059
2	Trần Đức Phúc Nguyễn Thị Kim Loan	Thị trấn Tuy Phước, Tuy Phước	211,00	893.053.885
3	Nguyễn Lại Nguyễn Thị Phước	Phường Phi, Cát Tiến	356,80	1.466.362.861
4	Trần Tuấn Tú Nguyễn Thị Hoa	Phường Phi, Cát Tiến	418,10	1.553.106.299
5	Nguyễn Thanh Sơn Lại Thị Hương	TP. Pleiku, Gia Lai	285,00	1.042.340.620
6	Đỗ Thị Hường Nguyễn Thanh Tuyền	TP Quy Nhơn	242,70	895.357.730
7	Đỗ Tiến Sỹ Đình Thị Thanh Huyền	TP Quy Nhơn	336,50	1.212.954.250
8	Từ Văn Lưu Nguyễn Thị Bích Hà	Phường Phi, Cát Tiến	221,90	930.916.248
9	Hồ Văn Ánh Đoàn Thị Đào	Phường Phi, Cát Tiến	198,20	1.252.534.871
10	Hồ Văn Tường, Hồ Thị Hảo, Hồ Thị Nguyệt và Hồ Văn Bảo	Phường Phi, Cát Tiến	0	7.848.000
11	Trần Đình Trục	Phường Phi, Cát Tiến	0	1.962.000
12	Phan Văn Vương	Phường Phi, Cát Tiến	0	3.924.000
13	Đoàn Tốt (chết) Võ Thị Nhữ	Phường Phi, Cát Tiến	0	102.955.400
14	Nguyễn Duy	Phú Hậu, Cát Chánh	0	1.518.000
Tổng cộng			2.595,70	11.137.512.223

Phụ lục II

HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ Ở CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN KHU DÂN CƯ ĐỌC TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG TRỰC KHU KINH TẾ ĐẾN KHU TÂM LINH CHÙA LINH PHONG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)
1	Trần Đức Vĩnh Nguyễn Thị Thu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	12.000.000
2	Trần Tuấn Tú Nguyễn Thị Hoa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	12.000.000
3	Hồ Văn Ánh Đoàn Thị Đào	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	12.000.000
Tổng cộng			36.000.000

Phụ lục III
THƯỜNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GPMB DỰ ÁN KHU DÂN CƯ
ĐỌC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI TỪ ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ
ĐẾN KHU TÂM LINH CHÙA LINH PHONG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị thưởng (nếu có)	Cấp nhà, vật kiến trúc
1	Trần Đức Vĩnh Nguyễn Thị Thu	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	10.000.000	Nhà N ₁
2	Trần Đức Phúc Nguyễn Thị Kim Loan	Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	7.000.000	Nhà N ₆
3	Nguyễn Lại Nguyễn Thị Phước	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₅
4	Trần Tuấn Tú Nguyễn Thị Hoa	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₅
5	Nguyễn Thanh Sơn Lại Thị Hương	TP. Pleiku, Gia Lai	7.000.000	Nhà N ₆
6	Đỗ Thị Hương Nguyễn Thanh Tuyền	TP Quy Nhơn	7.000.000	Nhà N ₈
7	Đỗ Tiến Sỹ Đình Thị Thanh Huyền	TP Quy Nhơn	7.000.000	Nhà N ₆
8	Từ Văn Lưu Nguyễn Thị Bích Hà	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	7.000.000	Nhà N ₆
9	Hồ Văn Ánh Đoàn Thị Đào	Thôn Phương Phi, xã Cát Tiến	10.000.000	Nhà N ₁
Tổng cộng			69.000.000	

Phụ lục IV

BÓ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DÂN CƯ DỌC TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ ĐẾN KHU TÂM LINH CHÙA LINH PHONG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tên đường	Khu	Lô số	Diện tích (m ² /lô)	Đơn giá đất (đ/m ²)	Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
I	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong								
1	Trần Đức Vĩnh Nguyễn Thị Thu	Phuong Phi, Cát Tiên	QL19B	ĐƠ-01	31	157,50	3.800.000	718.200.000	Lô góc
2	Trần Đức Phúc Nguyễn Thị Kim Loan	Thị trấn Tuy Phước, Tuy Phước	QL19B	ĐƠ-01	47	194,50 13,50	3.800.000 4.000.000	793.100.000	
3	Nguyễn Lại Nguyễn Thị Phước	Phuong Phi, Cát Tiên	QL19B	ĐƠ-01	35	165,00 43,00	3.800.000 4.000.000	799.000.000	
4	Trần Tuấn Tú Nguyễn Thị Hoa	Phuong Phi, Cát Tiên	QL19B	ĐƠ-01	34a	100,00 4,00	3.800.000 4.000.000	396.000.000	
5	Nguyễn Thanh Sơn Lại Thị Hương	Gia Lai	QL19B	ĐƠ-01	41	206,00 2,00	3.800.000 4.000.000	790.800.000	
6	Đỗ Thị Hường Nguyễn Thanh Tuyền	P. Nguyễn Văn Cừ, Tp Quy Nhơn	QL19B	ĐƠ-01	43	175,00 33,00	3.800.000 4.000.000	797.000.000	
7	Đỗ Tiến Sỹ Đình Thị Thanh Huyền	P. Nguyễn Văn Cừ, Tp Quy Nhơn	QL19B	ĐƠ-01	42	175,00 33,00	3.800.000 4.000.000	797.000.000	

8	Tư Văn Lưu Nguyễn Thị Bích Hà	Phương Phi, Cát Tiên	QL19B	ĐƠ-01	33b	75,00	3.800.000	401.000.000	
						29,00	4.000.000		
9	Hồ Văn Ánh Đoàn Thị Đào	Phương Phi, Cát Tiên	QL19B	ĐƠ-01	33a	75,00	3.800.000	401.000.000	
						29,00	4.000.000		
II Khu tái định cư Cát Tiên (mới) - Khu 2									
1	Trần Quốc Hàn Trần Thị Thu Thảo	Phương Phi, Cát Tiên	Số 1	I	26a	61,40	3.000.000	520.880.000	Cấp vợ chồng tăng thêm trong hộ ông Trần Đức Vĩnh
						88,60	3.800.000		
Tổng cộng								6.413.980.000	